TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SY** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 06/6/2023
V/v: Tranh chấp L hôn, nuôi con khi L hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Vinh;
2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2023, giữa:

** Nguyên đơn:* Chị **HNK**, sinh năm 1989
Địa chỉ: Buôn MG, xã KJ, huyện MK, tỉnh ĐL
** Bị đơn:* Anh **PVH**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q.
(Chị HNK, anh PVH có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị HNK trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh PVH đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện SY, tỉnh Q, do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh H tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân dân tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh H sống L thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L hôn với anh PVH.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung, là cháu PHY, sinh 21/01/2018 và cháu PKL, sinh ngày 30/8/2019, hiện cháu Y và cháu L đang ở với anh H tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Sau khi L hôn chị yêu cầu anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Y và cháu L, chị chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị xác định, chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh PVH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị HNK đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện SY, tỉnh Q, do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân dân tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị HNK sống L thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau nên anh nhất trí L hôn với chị HNK, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L hôn với chị HNK.

Về con chung: Anh và chị HNK có 02 con chung, là cháu PHY, sinh 21/01/2018 và cháu PKL, sinh ngày 30/8/2019, hiện cháu Y và cháu L đang ở với anh tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Sau khi L hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Y và cháu L, anh không yêu cầu chị HNK cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh xác định, anh và chị HNK không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị HNK không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải nên Tòa án chỉ tổ chức phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải mà giải quyết theo thủ tục chung.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị HM, anh PVH giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HM, xử cho chị HNK được L hôn với anh PVH. Về con chung: Giao cháu PHY, sinh 21/01/2018 và cháu PKL, sinh ngày 30/8/2019 cho anh PVH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị HNK không phải dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị HNK và anh H đều

xác định không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị HNK phải chịu án phí L hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị HNK và anh PVH kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị HNK khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn và nuôi con sau khi L hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp L hôn, nuôi con khi L hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh PVH hiện đang cư trú, sinh sống tại Thôn L, xã MB, huyện SY. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

[3]. Chị HNK và anh PVH có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của chị HNK, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1]. Đối với yêu cầu xin L hôn với anh PVH: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị HNK và anh PVH tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chị HNK, anh H sống chung với gia đình nhà anh H tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân chị chị HM và anh H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị chị HNK và anh H sống L thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị HNK và anh H cũng được chính quyền địa phương thừa nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị HNK và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin L hôn của chị HNK là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2]. Đối với yêu cầu nuôi con chung khi L hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị HNK và anh H có 02 con chung là cháu PHY, sinh 21/01/2018 và cháu PKL, sinh ngày 30/8/2019, hiện cháu Y và cháu L đang ở với anh tại Thôn L, xã MB, huyện SY, tỉnh Q. Chị HNK yêu cầu giao cả cháu Y và cháu L cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, bản thân anh H có nguyện vọng

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả cháu Y và cháu L. Anh H có thu nhập trung bình từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/ 1 tháng, có chỗ ở ổn định. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương, địa phương có ý kiến, anh H có thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi các cháu phát triển về mọi mặt nên giao cháu PHY và cháu PKL cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của anh H là có căn cứ cần được chấp nhận. Do anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên chị HNK không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, về nợ chung: Chị HNK và anh PVH xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị HNK phải nộp toàn bộ án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị HNK được L hôn với anh PVH.

2. Về con chung: Giao cháu PHY, sinh 21/01/2018 và cháu PKL, sinh ngày 30/8/2019 cho anh PVH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị HNK không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị HNK phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004439, ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Anh PVH không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị HNK và anh PVH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Vinh Lộc Thị Kim Thơm

Phạm Thị Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Vinh - Lộc Thị Kim Thơm

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã MB (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Quỳnh